

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN C  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2020/HN-ST

Ngày: 18/12/2020

V/v: Xin ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Cao Thị Thanh Trúc.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông **Bùi Thanh Trí.**

- Bà **Trần Ngọc Sáng**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Trần Thị Hạnh**

**Nhung** – Cán bộ Tòa án nhân dân quận C.

- *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:* Ông **Trần Bảo Quốc** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 264/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 184/2020/QĐST-HN ngày 29 tháng 10 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 104/2020/QĐST – HN ngày 25/11/2020, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1991

HKTT: KV A, P. PT, Q. C, Tp. Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Bình Danh A, xã An Thạnh 2, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng.

\* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn M T**, sinh năm 1989

HKTT: KV A, P. PT, Q. C, Tp. Cần Thơ.

*(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* *Theo đơn xin ly hôn đề ngày 17 tháng 8 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:* Bà và ông T cưới nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/3/2015 tại UBND phường PT, quận C, thành phố Cần Thơ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc Nng được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, ông T sinh tật cờ bạc, không chăm lo cho gia đình. Mặc dù bà khuyên can nhiều lần Nng ông T vẫn không thay đổi.

Vợ chồng ly thân nhau từ tháng 01/2020 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Khải M (nam), sinh 07/6/2016 và Nguyễn Trần Kiều N (nữ), sinh 19/3/2020. Từ khi vợ chồng sống ly thân 02 con do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

**\* Đối với bị đơn ông Nguyễn M T:** Quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án có triệu tập ông T, tuy nhiên ông luôn vắng mặt. Sau khi tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T.

Tại phiên tòa, bà N giữ nguyên yêu cầu N đã trình bày trên. Ông T vắng mặt.

***Quan điểm đại diện Viện kiểm sát quận C:***

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ kiện tòa án thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn. Ông T mặc dù được triệu tập hợp lệ Nng ông luôn vắng mặt cho thấy ông không tha thiết hàn gắn cuộc hôn nhân này nên việc bà N yêu cầu được ly hôn là có căn cứ, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà N là cho bà được ly hôn ông T.

Về con chung: Từ khi vợ chồng ly thân đến nay 02 con chung đều do bà N nuôi dưỡng. Ông T chưa một lần thăm con. Hơn nữa 02 cháu còn rất nhỏ rất cần sự chăm sóc của mẹ nên giao cả 02 con cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp. Do bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nên ghi nhận sự tự nguyện của bà N.

Về tài sản chung và nợ chung: Do ông T vắng mặt nên cần tách ra.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà N và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định nên xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên bà N có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là “Xin ly hôn” được quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án triệu tập hợp lệ đối với ông T, tuy nhiên ông vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông T xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông, bà đã ly thân nhau từ tháng 01/2020. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có triệu tập các bên đến hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm Nng ông T vắng mặt. Cho thấy ông không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Bản thân bà N cương quyết yêu cầu được ly hôn và có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải cho thấy bà cũng không còn thiết tha với cuộc hôn nhân này. Xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện của cả 02 bên, nếu một bên không muốn tiếp tục thì dù có duy trì cũng không mang lại hạnh phúc. Do vậy nên chấp nhận nguyện vọng của bà N là cho bà được ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Khải M (nam), sinh 07/6/2016 và Nguyễn Trần Kiều N (nữ), sinh 19/3/2020. Từ khi ông, bà ly thân đến nay 02 cháu do bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà N có yêu cầu nuôi cả 02 con, ông T thì vắng mặt nên không thể xem xét được nguyện vọng của ông. Do vậy nghĩ nên giao 02 cháu cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Nếu bà N không nuôi dưỡng tốt 02 con thì ông T có quyền khởi kiện để xin thay đổi người nuôi con. Do bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Đồng thời cũng dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho ông T theo quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định không có. Do ông T vắng mặt nên cần tách ra, nếu sau này có phát sinh tranh chấp các bên sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 147, 227 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**Tuyên án:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị N được ly hôn với ông Nguyễn M T.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Khải M (nam), sinh 07/6/2016 và Nguyễn Trần Kiều N (nữ), sinh 19/3/2020 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà N không yêu cầu.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho ông T theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tách ra nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà N phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà bà đã nộp theo biên lai thu tiền số 006360 ngày 28/9/2020.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa cấp trên xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP Cần Thơ “để báo cáo”.
- VKSND TPCT, Q. C “để theo dõi”.
- Các đương sự “để biết”.
- THA DS Q. C “để thi hành”.
- **UBND P.PT.**
- Lưu hồ sơ Dân sự.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***Cao Thị Thanh Trúc***











